

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:04/2017/KDTM-ST

Ngày: 18/7/2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tùng**.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Vệ**;
2. Ông **Nguyễn Viết Thanh**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Xuân Nữ**- Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong các ngày 30/6, 11/7 và ngày 18/7/ 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST- KDTM ngày 16/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST- KDTM ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty H.

Trụ sở: Số 20, Đường Đ, Phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Ông Vũ Đình A, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 20, Đường Đ, Phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo pháp luật (Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Đình A là Công ty luật D.

Địa chỉ: số 09, LTT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện luật sư Võ Thái H.

Người được ủy quyền: Lê Ngân K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số 09, LTT, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2017)

- Bị đơn: Công ty V 27.

Địa chỉ: số 01, Đường N, phường I, thành phố CL, Đồng Tháp.

Người đại diện ông Nguyễn Văn Q – Cv: Giám đốc.

Người được ủy quyền: Trần Duy T, sinh năm 1981.

Địa: số 01, Đường N, phường I, thành phố CL, Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2017)

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty H trình bày:

Ngày 22/10/2012, Công ty H (gọi tắt là H) có ký hợp đồng kinh tế số 106/HĐKT-HQ ngày 22/10/2012 (Công trình cho sinh viên ĐHQG TP.HCM) với Công ty V (gọi tắt là V), đến nay hợp đồng đã nghiệm thu và thực hiện việc đối chiếu công nợ xong.

Giá trị của hợp đồng là 785.717.900 đồng, giá trị nghiệm thu là 778.898.450 đồng, số tiền đã thanh toán là 565.857.000 đồng.

Sau khi trừ các khoản giảm khác, cho đến nay số tiền mà Công ty V còn nợ là 136.996.528 đồng.

Việc chậm thanh toán này làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty H mặc dù Công ty H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía V vẫn chưa thanh toán.

Tại phiên hòa giải: Công ty H yêu cầu V thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng kinh tế số 106/HĐKT-HQ ngày 22/10/2012, theo bảng đối chiếu công nợ số tiền là 136.996.528 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 11/4/2017 (08 tháng) với số nợ trên tương đương 7.192.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 144.188.528 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty H rút lại một phần yêu cầu và điều chỉnh phần lãi suất theo đó phía Công ty H yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu Công ty V trả số tiền còn nợ theo hợp đồng kinh tế 106/HĐKT-HQ ngày 22/10/2012 là 98.051.605 đồng tương đương với 90% giá trị quyết toán của hợp đồng.

+ Yêu cầu trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán ứng với số tiền chậm trả theo mức 20%/năm (Điều 468 Bộ luật dân sự) tương đương với số tiền 18.793.224.000 đồng (ngày vụ án được đưa ra xét xử).

Tổng cộng với số tiền 116.844.829 đồng.

Công ty H đồng ý xuất hóa đơn đối với số tiền 98.051.605 đồng.

- Bị đơn: Công ty V trình bày:

+ Giữa hai Công ty có hợp đồng 106/HĐKT-HQ ngày 22/10/2012 (Công trình sinh viên ĐHQG TP.HCM).

+ Ngày 18/7/2016 hai bên đã ký biên bản quyết toán và đối chiếu công nợ.

+ Đến nay, công trình trên vẫn chờ bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Mặt khác, theo hợp đồng đã ký hai bên, do chưa đủ điều kiện để thanh toán số tiền còn lại theo quyết toán (do Công ty H chưa xuất hóa đơn tài chính theo quy định) nên chưa thanh toán cho H.

Tại phiên hòa giải đại diện Công ty V trình bày: Thống nhất số tiền còn thiếu theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên. Lý do đến nay Công ty V chưa thanh toán là do Công ty H chưa xuất đầy đủ hóa đơn đối với số tiền trên, cũng như chưa chiết khấu phí bảo hành 5% trên tổng giá trị nghiệm thu. Từ đó Công ty V đồng ý thanh toán số tiền trên và không đồng ý tính lãi theo yêu cầu của Công ty H.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Công ty V không có ý kiến về việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn. Phía Công ty V đồng ý thanh toán 90% giá trị hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Về phần lãi bị đơn cho rằng do công trình chưa bàn giao được cho chủ đầu tư nên không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về chứng cứ các bên đã thống nhất: 01 Hợp đồng kinh tế số 106/HĐKT-HQ ngày 22/10/2012; Bảng đối chiếu công nợ theo Hợp đồng số 106/HĐKT-HQ ngày 18/7/2016; Bảng tổng hợp quyết toán theo Hợp đồng số 106/HĐKT-HQ ngày 18/7/2016.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận số tiền hai bên tranh chấp xuất phát từ hợp đồng mua bán (Hợp đồng kinh tế), do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại mua bán. Tuy nhiên Hợp đồng đã nghiệm thu và thực hiện việc đối chiếu công nợ xong chỉ còn phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền giữa các bên nên áp dụng Luật dân sự để giải quyết hậu quả hợp đồng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn kiện của nguyên đơn và địa chỉ của bị đơn tọa lạc tại phường 1- thành phố Cao Lãnh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án Nhân dân Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp là đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của Công ty H như sau:

+ Yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền tương đương với 90% giá trị hợp đồng hai bên đã ký kết với số tiền là 98.051.605 đồng và đồng ý xuất hóa đơn với số tiền 98.051.605 đồng là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào hợp đồng hai bên ký kết có thỏa thuận việc thanh toán đợt 2 lên đến 90%/ giá trị nghiệm thu trước khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng. Mặt khác, hai bên cũng đã ký ký biên bản quyết toán và đối chiếu công nợ vào ngày 18/7/2016 thì giữa hai bên đã phát sinh

nghĩa vụ thanh toán sau 07 ngày đối với số tiền 90% giá trị hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tự nguyện xuất hóa đơn số tiền 98.051.605 đồng cho bị đơn.

+ Về phần lãi suất: Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty H yêu cầu Công ty V trả lãi theo mức lãi suất 20%/ năm (Điều 468 Bộ luật dân sự) tính từ ngày 15/7/2016 (sau 7 ngày ký đối chiếu công nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 18.793.224 đồng là cơ sở. Bởi vì, Tại Điều 5.1 của hợp đồng hai bên ký có quy định trách nhiệm thanh toán của Công ty V nếu thanh toán không đúng quy định sẽ phạt 0,5%/ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là hoàn toàn tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp pháp luật. Mặt khác, theo phía Công ty V cũng thừa nhận đến thời điểm xét xử vẫn chưa thanh toán cho Công ty H bất kỳ khoản tiền nào theo biên bản đối chiếu công nợ. Do đó, yêu cầu tính lãi của Công ty H là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tổng cộng Công ty V có nghĩa vụ trả cho Công ty H các khoản như sau: Tiền thanh toán theo hợp đồng là 98.051.605 đồng, lãi 18.793.224 đồng, tổng cộng là 116.844.229 đồng.

Đối với việc rút lại một phần yêu cầu của Công ty H với số tiền 27.343.699 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

- Đối với Công ty V cho rằng: Đồng ý thanh toán số tiền thanh toán 90% giá trị nghiệm thu theo yêu cầu của Công ty H nhưng do công trình chưa bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng và nguyên đơn chưa xuất hóa đơn nên không đồng ý trả lãi là chưa phù hợp. Bởi vì, việc công trình có bàn giao hoặc chưa bàn giao cho chủ đầu tư chỉ phát sinh nghĩa vụ đối với phần giá trị bảo hành (5%) công trình và số tiền thanh toán còn lại của công trình. Mặt khác, theo hợp đồng hai bên ký kết không bắt buộc số tiền thanh toán 90% theo hợp đồng phải xuất hóa đơn. Do đó, Công ty V có nghĩa vụ trả theo yêu cầu của Công ty H là mới phù hợp.

- Các phần còn lại của hợp đồng các bên không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về lãi suất chậm trả: Các bên không thống nhất được lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên xem xét tính lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì yêu cầu của Công ty H được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án theo quy định là 5.842.211 đồng (116.844.229 đồng x %5).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án;

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty H.
- Buộc Công ty V trả cho Công ty H số tiền còn thiếu theo hợp đồng là 98.051.605 đồng, lãi 18.793.224 đồng, tổng cộng là 116.844.229 đồng (một trăm mười sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi chín đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty H về việc tự nguyện xuất hóa đơn số tiền 98.051.605 đồng cho Công ty V.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty H đối với số tiền tiền 27.343.699 đồng.

*** Về lãi suất chậm trả.**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Công ty H được nhận lại số tiền 3.605.000 đồng theo biên lai số 08392 ngày 04/5/2017 tại Chi cục thi hành án thành phố Cao Lãnh.
- Công ty V phải nộp 5.842.211 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng